

# HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI SỰ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÀ AN NINH CON NGƯỜI

TORBERG FALCH\*

## Giới thiệu

Giáo dục giúp nâng cao khả năng thành công và thay đổi hành vi của mỗi cá nhân. Rất nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra những tác động tích cực mà giáo dục đem lại. Vai trò và sự liên kết trong giáo dục thường có sự thay đổi tùy theo các cấp học khác nhau. Vấn đề đảm bảo công bằng và bình đẳng cơ hội cho tất cả mọi người là rất quan trọng đối với cấp tiểu học, nhưng hệ thống giáo dục ở bậc trung học và bậc đại học, cao đẳng cũng cần phải tăng cường tính thi đua, chuyên môn hóa và có cả sự chọn lọc nhiều hơn nữa. Bên cạnh đó, nền tảng văn hóa - xã hội cũng góp phần không kém quan trọng cho thành công của toàn bộ hệ thống giáo dục nhưng ở các cấp độ khác nhau. Những năm đầu tiên đến trường có ý nghĩa vô cùng lớn bởi nó sẽ tạo nền tảng cho bước tiến tiền đề trên con đường sự nghiệp về sau này. Các nguồn lực trong trường học phụ thuộc phần lớn vào nguồn lực từ phía gia đình thể hiện qua việc quan tâm, đầu tư vào hệ thống giáo dục, chẳng hạn như nguồn tài trợ của các trường tư thục đều được đóng góp từ tầng lớp thượng lưu. Hệ thống giáo dục mà trong nó chất lượng giảng dạy giữa các trường có sự chênh lệch lớn sẽ tạo ra những sản phẩm không đồng đều.

Bình đẳng trong giáo dục là một trong những vấn đề hết sức quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và an ninh con người. Các kỹ năng đọc, viết, phân tích không những làm tăng cơ hội việc làm và tăng quy mô về lực lượng lao động mà còn tác động trực tiếp đến xóa đói giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế. Mức độ căn bản của những kỹ năng trên trong đó có tính đến kỹ năng tổng hợp và diễn giải thông tin rất cần thiết đối với đấu tranh dân quyền. Ngược lại, đấu tranh dân quyền tạo ra áp lực cho chính phủ để xây dựng những chính sách chống tham nhũng một cách có hiệu quả. Xét ở cấp độ tổng hợp hơn, những thành tố gây ra bất ổn cho xã hội phải kể đến đó là sự không hài lòng của người dân nhưng nếu có những thể chế có tính thực thi và hiệu lực cao sẽ giúp giảm đi rủi ro cho xã hội.

Bài viết này muốn đề cập đến hệ thống giáo dục ở Bắc Âu, tuy nhiên những ý kiến của tôi lại liên quan đến hệ thống giáo dục của các nước Đông Á. Trước tiên, tôi muốn nêu những thành tựu khác nhau về ảnh hưởng của giáo dục. Ảnh hưởng về sự tương quan của giáo dục đến thu nhập và tình trạng việc làm là vấn đề được quan tâm nhiều nhất. Thêm vào đó, tác động tích cực của giáo dục đến bình đẳng và đấu tranh dân

\* Khoa Kinh tế, Đại học Khoa học và Kỹ thuật Nauy.

quyền cũng sẽ được đề cập. Thứ hai, tôi muốn trao đổi về những chính sách hợp lý ở Bắc Âu đã tạo cơ hội học tập bình đẳng cho mọi người như thế nào.

## 1. Những ảnh hưởng tích cực của giáo dục

### 1.1. Thu nhập và việc làm

Tiền lương có liên quan tới năng suất lao động trong các thị trường tự do. So với công nhân có năng suất lao động ở mức trung bình, những công nhân đạt năng suất lao động có hiệu quả luôn được người tuyển dụng sẵn sàng trả mức lương ưu đãi và cao hơn nhiều. Công ty nào có tính cạnh tranh cao thì lương và năng suất lao động của mỗi cá nhân sẽ có sự tương quan mang tính cùng chiều. Hiện nay, một trong những vấn đề được quan tâm nhiều nhất đó là lợi nhuận từ giáo dục liên quan đến tiền công lao động, đó là lí do tại sao những công trình nghiên cứu nêu trong bài viết này phần lớn tập trung vào giáo dục có ảnh hưởng đến năng suất lao động như thế nào.

Montenegro và Patrinos (2014) đã sử dụng dữ liệu quốc tế để ước tính lợi nhuận từ giáo dục đến tiền công lao động cho hơn 100 quốc gia. Nhóm tác giả đã sử dụng số liệu phân bổ thu nhập quốc tế của Ngân hàng Thế giới trong Báo cáo Phát triển được tiến hành ở các hộ gia đình. Ngân hàng Thế giới đã chuẩn hóa các định nghĩa khác nhau nhằm ước tính lợi nhuận từ giáo dục để so sánh giữa các quốc gia.

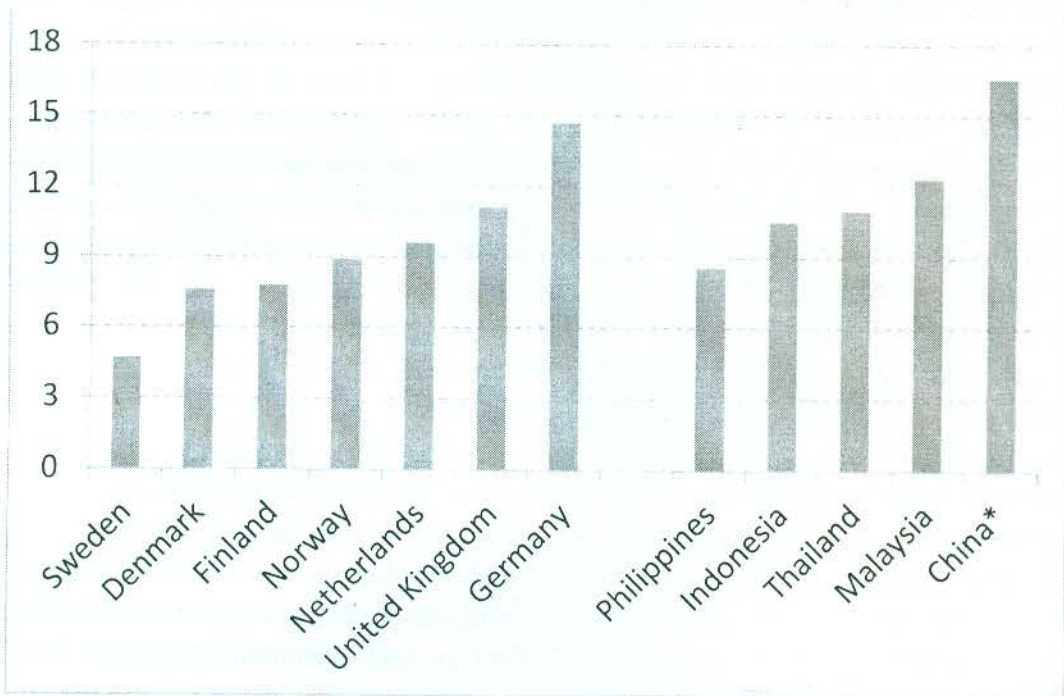
Hình 1 cho thấy tỉ lệ trung bình về lợi nhuận từ giáo dục trong vòng một năm từ tình hình thực tế tại các nước Bắc Âu và một số nước Đông Á. Ở các nước Bắc Âu thì lợi nhuận từ giáo dục chiếm khoảng 5 - 8%. Tất cả các nước được đề cập trong bài viết này phản ánh lợi nhuận mà giáo dục đem lại của các nước Bắc Âu đều thấp hơn các nước trong khối tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). Các nước đông dân ở châu Âu (gồm có Anh và Đức), lợi nhuận từ giáo dục đạt mức cao. Lợi nhuận từ giáo dục ở các nước Đông Á thì tương tự như Anh và Đức, mặc dù sự khác nhau chủ yếu trong hệ thống trường học và thành tựu giáo dục là xuyên suốt các lục địa.

Khi cho rằng tiền công lao động và năng suất lao động có mối quan hệ khăng khít với nhau, giáo dục có vai trò quan trọng đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế. Bên ngoài các quốc gia Bắc Âu, lợi nhuận từ giáo dục được so sánh trên diện rộng nhằm kỳ vọng vào lợi ích thực từ tài sản kinh tế. Bằng chứng có thể nhìn thấy được rất rõ đó là sự đầu tư cho giáo dục đem lại lợi nhuận cao cho mỗi cá nhân. Khi xem xét sự khác nhau về lợi nhuận từ giáo dục giữa các quốc gia cho thấy giáo dục ngày càng thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế ở một số quốc gia này cao hơn so với một số quốc gia khác. Tuy nhiên, sự so sánh các quốc gia có liên quan phải được thực hiện với sự cẩn trọng. Trước tiên, lợi nhuận trung bình đưa ra có thể là dự đoán không chắc chắn<sup>1</sup>. Thứ hai, độ tương quan tiền công lao động và năng suất lao động ở cấp độ cá nhân không phải là chính xác nhưng dù sao cũng là mục tiêu mà nhiều quốc gia mong đợi. Cuối cùng, chất lượng giáo dục ở mỗi quốc gia có thể cũng khác nhau.

<sup>1</sup> Khoảng tin cậy 95%, trong đó có khoảng 5 điểm phần trăm cho các nước châu Âu và 9 điểm phần trăm cho các nước Đông Á.

Lợi nhuận từ giáo dục được tính toán dựa trên sử dụng dữ liệu liên quan đến người lao động và thu nhập tiền công lao động (Hình 1). Ảnh hưởng lên tổng thu nhập có lẽ là rất lớn bởi vì giáo dục được xem như làm giảm đi xác suất về tỉ lệ thất nghiệp và tăng khả năng làm việc cho người lao động. Ở các nước thuộc nhóm OECD, cá nhân có trình độ đại học thì khả năng làm việc của họ trung bình từ 28 điểm phần trăm, cao hơn so với cá nhân có trình độ phổ thông trung học (OECD, 2014). Tỉ lệ trung bình này ở các nước châu Âu trong hình 1 là rất gần nhau. Có sự khác biệt lớn như vậy, nhiều khả năng là có nguyên nhân từ giáo dục tác động đến cơ hội việc làm. Ví dụ như ở Mỹ, nghiên cứu cho thấy khoảng một phần ba lợi nhuận có được thông qua thu nhập hàng năm là do ảnh hưởng của giáo dục tới giờ lao động mang lại.

**Hình 1. Lợi nhuận từ giáo dục được thu thập ở một số quốc gia, tính theo phần trăm**



*Nguồn: Montenegro và Patrinos (2014). [Đối với các quốc gia châu Âu, bình quân chia sẻ lợi nhuận ước tính từ năm 2010 - 2012. Đối với Philippin, Indonesia và Malaysia, lợi nhuận trung bình từ năm 2009 - 2010. Thái Lan cũng tương tự, thể hiện rất rõ qua hình 1 từ năm 2009 - 2011, trong khi đó Trung Quốc thì dữ liệu về lợi nhuận dự đoán từ năm 2002].*

Giáo dục có thể giảm sự thay đổi thu nhập trong phạm vi vòng xoáy thương mại. Những cá nhân có thể có khả năng đối mặt tốt trước cú sốc tiêu cực và tình huống dễ thay đổi. Trong tình trạng suy thoái, các cá nhân đối mặt với nhiều áp lực và tỉ lệ tự tử cao hơn (Cooper, 2011, Stuckler et al., 2011). Bằng chứng gần đây của các nước châu Âu cho thấy giáo dục làm giảm đi sự biến đổi trong thu nhập cá nhân mà nguyên nhân là do tình trạng suy thoái (Cutler et al., 2014). Đồng thời, nghiên cứu tại các quốc gia châu Âu này còn cung cấp một cơ chế để giải thích tại sao ảnh hưởng có hại cho sức

khỏe lại khác nhau đối với nhóm có trình độ giáo dục khác nhau trong quá trình suy thoái kinh tế.

## **1.2. Đấu tranh dân quyền**

Có sự tương quan chặt chẽ tích cực giữa độ đàn trải của giáo dục với sự tham gia vào chính trị ở tất cả các nước. Thể hiện một khuynh hướng vĩ mô hơn, một số nơi trên thế giới ngày càng nhiều công dân có trình độ học vấn tham gia hầu hết vào tất cả các hoạt động chính trị, bao gồm cả những tranh luận chính trị, bầu cử, tham dự vào các sự kiện chính trị, thậm chí là biểu tình. Một số công trình nghiên cứu đưa ra sự tương quan tích cực, ít nhất đó là những tác động của giáo dục. Ví dụ như, Dee (2004) chỉ ra ở Mỹ có một sự tương quan rất gần giữa một bên là sự tăng lên của hệ thống giáo dục cao đẳng với một bên là khả năng bỏ phiếu sau này. Ông cũng cho thấy nhiều luật dành cho lao động trẻ em còn hạn hẹp trong quãng thời gian từ năm 1914 - 1978 lại làm tăng khả năng đọc báo và ủng hộ cho bài phát biểu tự do thông qua sự thúc đẩy giáo dục.

Giáo dục có vai trò quan trọng đối với phát triển dân chủ và tạo dựng lòng tin cho xã hội cũng như tổ chức chính trị (Glaeser et al., 2007). Giáo dục có lẽ còn là những phương tiện đắc lực giúp tăng cường khả năng đưa ra quan điểm, nêu lên tiếng nói, mối quan tâm và từ đó những tri thức về quyền công dân được mở ra. Lợi ích về đấu tranh dân quyền và sự tham gia trong đời sống chính trị của người dân cũng được nâng lên nhờ có giáo dục.

Để xã hội có được sự ổn định và an toàn, cam kết dân sự và sự tham gia vào đời sống chính trị là điều kiện chủ yếu cần có trong xã hội dân chủ. Một ví dụ điển hình có thể dễ nhận thấy là những người có trình độ giáo dục luôn tràn ngập khao khát được cho phép tự do ngôn luận và sử dụng kỹ năng của bản thân để phát triển nghề nghiệp. So với những người không có trình độ giáo dục, đối với những người có trình độ giáo dục cao thì sự hạn chế về hành vi chính trị và sự tham gia vào đời sống chính trị dường như lại khó duy trì hơn. Khi những thể chế trong thị trường lao động không hiệu lực thường cản trở việc mở rộng cơ hội việc làm và tăng tỉ lệ thất nghiệp, kích thích hành vi chống đối và biểu tình, những vấn đề như vậy lại xuất hiện ở nhóm người có trình độ giáo dục nhiều hơn là những người không có trình độ giáo dục. Như vậy, trình độ giáo dục được nâng lên trong bộ phận dân cư có thể dẫn tới những nguy cơ cao về xã hội không bền vững và an toàn trong chế độ phi dân chủ. Một trong những chương ngại vật chủ yếu đối với hệ thống giáo dục nhiều tiến bộ trên thế giới ngày nay xem ra lại khiến cho các nhà lãnh đạo chính trị của chế độ phi dân chủ lo sợ về vị trí của họ.

Tội phạm là loại hành vi đối lập với đấu tranh dân quyền. Tội phạm là nguyên nhân dẫn tới một xã hội không có sự bình ổn và không an toàn. Những nghiên cứu gần đây cho thấy giáo dục làm giảm nguy cơ tội phạm. Đối với những cá nhân vì một vài lý do ngoại lệ nào đó phải thúc ép cải tạo họ nhiều hơn nữa thì hành vi gây tội phạm có khả năng sẽ giảm đi. Một trong những ví dụ có thể áp dụng để giảm nguy cơ tội phạm là tăng độ tuổi phổ cập giáo dục, hay như ví dụ khác là có chương trình giáo dục phổ thông tại cộng đồng, có thể tham khảo Brugård và Falch (2013) và những tài liệu khác ở trong đó.

### **1.3. Công bằng trong giáo dục**

Giáo dục luôn có tiềm năng làm giảm sự bất công bằng trong xã hội. Sự bất bình đẳng về thu nhập và sự đấu tranh dân quyền cũng sẽ giảm đi khi mà thành tựu giáo dục được cải tiến ngay ở cấp học ban đầu. Khi bàn về công bằng giáo dục, phải quan tâm đến hai khía cạnh: tính đa dạng của giáo dục (việc học hành, dạy dỗ của nhà trường) và tính đa dạng của chất lượng giáo dục. Nếu chất lượng giáo dục trong trường học tương quan với những đặc điểm của trường học, chẳng hạn như tỉ lệ các em học sinh dân tộc thiểu số trong trường, thu nhập bình quân hay trình độ giáo dục của cha mẹ, hệ thống giáo dục đó sẽ tạo ra một số cơ hội việc làm cho các nhóm yếu thế. Bất bình đẳng về chất lượng trường học ở bậc tiểu học sẽ dẫn tới những trái ngược trong việc học hành của học sinh và cả việc dạy dỗ của nhà trường. Hệ thống giáo dục với nguồn quỹ tư nhân ở mức cao sẽ dễ dàng bị ảnh hưởng và chính những ảnh hưởng này sẽ tạo ra bất bình đẳng.

Trong những bài kiểm tra quốc tế so sánh về thành tích của sinh viên ở hai môn học chủ đạo là toán và khoa học, những sinh viên của một số nước ở châu Á như Singapo, Hàn Quốc, Hồng Kông thường là những sinh viên đạt điểm cao. Cùng ở độ tuổi 14 - 15, nhưng sinh viên các nước này đạt được mức điểm trung bình cao hơn so với những sinh viên của các nước châu Âu. Tương tự như vậy, những thay đổi trong thành tích học tập của sinh viên một số nước châu Á kể trên cũng cao hơn so với sinh viên các nước châu Âu trong cùng độ tuổi. Điều đó cho thấy, thước đo thành tích học tập của sinh viên, chất lượng trường học dường như có vẻ cao đối với trường hợp các nước Đông Á. Gundlach và Wößmann (2004) phân tích quan hệ giữa thành tích đạt được của sinh viên, nền tảng gia đình, các nguồn phục vụ cho quá trình dạy và học, đặc điểm thể chế ở các nước Đông Á. Tác giả cho rằng không những chỉ đối với trường hợp của Hàn Quốc mà một số nước tương tự khác nằm trong khối OECD, nền tảng gia đình có vai trò đặc biệt quan trọng. Trường học cần cố gắng phát triển các kỹ năng cho sinh viên nhiều hơn là thực hiện những bài kiểm tra mang tính so sánh quốc tế. Hệ thống giáo dục khác nhau được thành công như thế nào thể hiện thông qua các kỹ năng thì cũng không phải dễ dàng chỉ ra dẫn chứng cụ thể.

### **1.4. An ninh con người**

Một nền giáo dục chất lượng và công bằng sẽ đưa đến sự an toàn không chỉ cho mỗi cá nhân mà còn đối với cả xã hội nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của con người. An ninh con người không được đảm bảo ở những nơi có chế tài mang tính bạo lực và không ổn định. Giáo dục, đặc biệt một nền giáo dục công bằng thúc đẩy sự ổn định của xã hội bởi giáo dục làm tăng cơ hội việc làm và thu nhập của mỗi cá nhân, đồng thời kích thích sự sáng tạo các tổ chức một cách rất hữu hiệu. Giáo dục thúc đẩy hội nhập xã hội trong đó bao gồm nhiều hình thức đấu tranh dân quyền, đồng thời giáo dục cũng làm giảm hành vi phạm tội. Khi con người có việc làm và được tham gia vào xã hội dân sự thì những biến đổi sẽ khó xảy ra. Ngoài ra, công bằng và chất lượng cao trong phổ cập giáo dục cũng rất quan trọng bởi vì phổ cập giáo dục là một trong những can thiệp chủ đạo đối với sự tự do lựa chọn của không chỉ cá nhân mà còn của tất cả mọi người.

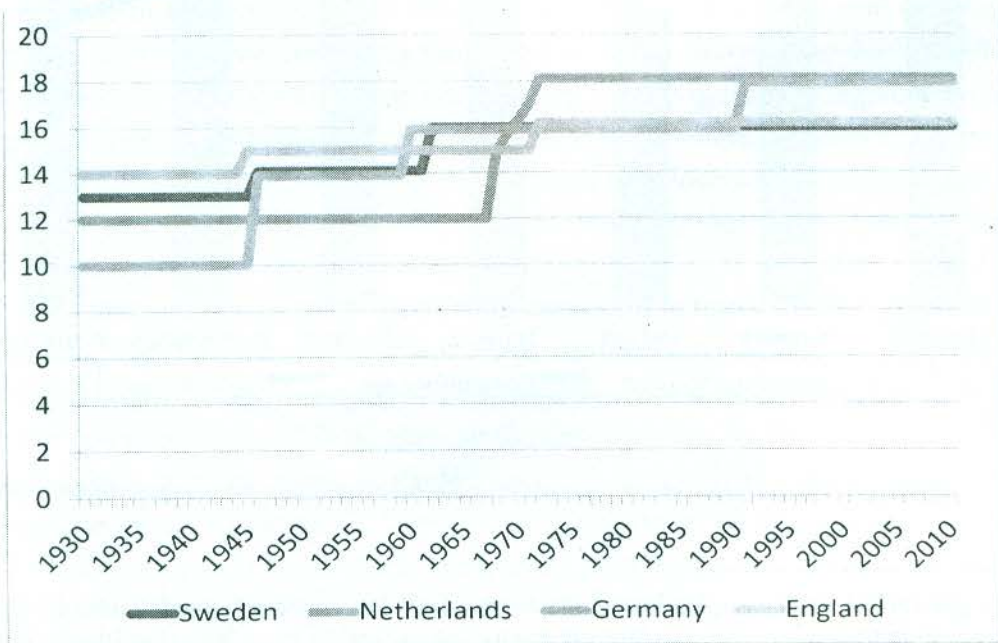
## 2. Hàm ý chính sách

### 2.1. Quá trình phổ cập giáo dục

Phổ cập giáo dục cũng được đẩy mạnh ở các quốc gia trong khối Bắc Âu, xem chi tiết cụ thể trong hình 2 sẽ thấy được điều đó. Hầu hết các nước Bắc Âu đều thực hiện phổ cập giáo dục đối với công dân ở độ tuổi 16 vào những năm của thập kỷ 1960. Theo nghiên cứu của Braga et al. (2013), tại Đức, kể từ khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai thì chương trình phổ cập thực hiện ở độ tuổi lên 10. Sau đó, hiện nay lại tăng lên 18 tuổi, mặc dù phổ cập giáo dục ở đây chủ yếu là việc học bán thời gian dành cho học sinh ở độ tuổi 16. Trong một vài năm gần đây, Hà Lan áp dụng chương trình phổ cập giáo dục cho độ tuổi 18. Ở Vương quốc Anh, độ tuổi phổ cập giáo dục áp dụng từ tuổi 17 vào năm 2013 và dự đoán sẽ tăng lên 18 vào năm 2015 (không chỉ ra ở hình này). Ở các nước Bắc Âu, đại diện là Thụy Điển có chỉ ra trong hình 2, vào thời điểm này theo tôi được biết thì không có chính sách đề xướng nào để đẩy mạnh phổ cập giáo dục trên 16 tuổi.

Một vài nghiên cứu tại một số quốc gia ở châu Âu, Mỹ và Canada đánh giá tác động về hiệu quả của việc tăng tuổi phổ cập giáo dục. Những đánh giá này liên tục hướng tới những lợi ích lớn nhằm tạo nên ảnh hưởng đến mỗi cá nhân, và bản thân họ sẽ lựa chọn chương trình học tập ngắn hơn nếu như chương trình cải cách giáo dục không được thực hiện. Ví dụ minh họa cho việc đánh giá tác động đó phải kể đến công trình nghiên cứu của Meghir và Palme (2005) bàn về thu nhập ở Thụy Điển, nghiên cứu của Sweden và Machin et al. (2011) liên quan đến tội phạm ở Anh.

**Hình 2. Độ tuổi hoàn thành phổ cập giáo dục, một số trường hợp ở Bắc Âu**



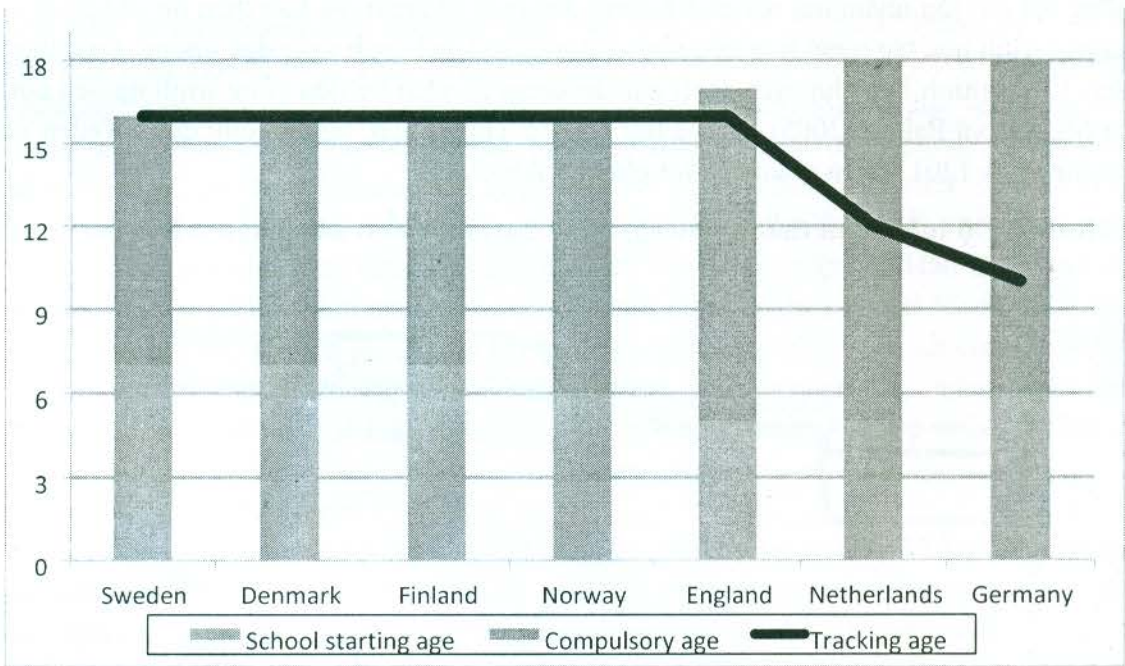
Nguồn: Braga et al. (2013).

### 2.2. Phân lớp cho sinh viên

Hình 3 trình bày tuổi bắt đầu đến trường, tuổi phổ cập giáo dục, cách dạy ở một số nước Bắc Âu năm học 2013 - 2014. Các nước Bắc Âu có chương trình phổ cập giáo dục rất toàn diện. Sinh viên được nhận vào trường và xếp vào trong các lớp học không liên quan đến thành tích học tập của họ. Thêm vào đó, tỉ lệ lưu ban rất hiếm gặp. Các sinh viên đều có chung bạn học trong suốt quá trình phổ cập giáo dục<sup>1</sup>

Bàn về hệ thống giáo dục ở Đức, trong đó phải kể đến vấn đề liên quan đến việc phân lớp, có sự khác biệt rất rõ nét. Khi 10 tuổi, tùy thuộc chủ yếu vào thành tích đạt được trước đó, các em học sinh bắt đầu được phân đến các trường học khác nhau. Mặc dù có vài trường hợp xảy ra đó là có sự thay đổi loại hình trường trong năm học đầu tiên sau khi qua độ tuổi cần theo dõi, nhưng cũng không phải là phổ biến. Ngay từ tuổi lên 10, học sinh được học tại trường dạy nghề hay dạy chữ để đáp ứng thị trường lao động. Trường hợp của Hà Lan cũng tương tự như ở Đức.

**Hình 3. Phân lớp trong phổ cập giáo dục: một số nước ở Bắc Âu**



Nguồn: Eurydice (<http://eacea.ec.europa.eu/education/eurydice/eurypediaen.php>).

<sup>1</sup> Có một chút sai lệch quan trọng khi bàn về vấn đề này. Thứ nhất, do một vài gia đình chuyển nơi cư trú nên có sự chuyển trường học. Thứ hai, khu vực lưu trú của các trường trung học cơ sở (dành cho độ tuổi từ 14 đến 16) bao gồm một vài trường tiểu học, ví dụ như trường trung học cơ sở thì thường rộng hơn. Cuối cùng, đặc biệt trường hợp ở Thụy Điển, do nguồn công quỹ đã có sẵn từ trước ở trường tư nên được cha mẹ học sinh lựa chọn nhiều hơn là trường công.

Hanushek và Woessmann (2006) nghiên cứu ảnh hưởng của việc phân lớp thông qua sử dụng bài kiểm tra quốc tế so sánh sinh viên. Mặc dù nghiên cứu áp dụng với hệ thống giáo dục quốc gia có sử dụng cả mô hình không ghi điểm và không ghi điểm trong trường học, nhưng các tác giả đều cho thấy những tác động hữu hiệu của việc phân lớp thông qua hình thức so sánh những thay đổi trong thành tích từ cấp tiểu học cho tới cấp trung học phổ thông. Nghiên cứu đã phản ánh được việc phân loại của học sinh không làm tăng thành tích chung mà làm tăng sự thay đổi trong thành tích. Điều đó có nghĩa rằng, sinh viên có năng lực đạt được thành tích trong quá trình học, trong khi đó những sinh viên năng lực kém hơn thì khó có được thành tích trong quá trình học tập. Betts (2011) thực hiện tổng quan tài liệu rất toàn diện về vấn đề trên. Tác giả kết luận rằng hệ thống phân loại dường như thúc đẩy bất bình đẳng trong hệ thống giáo dục tại các trường học khác nhau, nơi mà sinh viên bắt buộc phải trải qua việc lưu điểm của nhà trường, điển hình là trường hợp của Đức hay Hà Lan. Tuy nhiên, đối với Mỹ, sinh viên được học ở các lớp khác nhau trong cùng một trường học lại rất điển hình.

Một vài công trình nghiên cứu đề xuất chính sách phân loại ngay từ rất sớm tại các trường khác nhau cũng nên xem xét lại. Những hệ thống giáo dục như vậy chỉ có thể thu hút sinh viên ít sáng kiến trong thành tích học tập tại trường học. Phân loại ngay từ đầu dường như tăng bất bình đẳng chứ không làm tăng vấn đề an ninh con người. Bằng chứng của vấn đề này đã được chứng minh rất rõ qua thực tiễn một số nước, vì thế đó là lí do tại sao một số tỉnh của nước Đức bây giờ đang hoãn lại tuổi phân loại muộn hơn.

### **2.3. Kỹ năng**

Kỹ năng nhận thức có liên quan đến trí thông minh và khả năng giải quyết vấn đề. Nghiên cứu ở Mỹ và châu Âu chứng minh rằng có sự tác động tương đối lớn giữa điểm môn toán và điểm của môn khoa học với thu nhập và những thành công về mặt cá nhân. Tương tự, một số tài liệu khác chỉ ra tác động tích cực của việc tăng cường chương trình đào tạo liên quan đến môn toán trong trường học (xem Joensen và Nielsen, 2009 - cho Đan Mạch, Falch et al., 2014 - cho Na Uy, và tài liệu trong đó). Nhìn chung lại, kỹ năng nhận thức được đánh giá cao ở thị trường lao động.

Kỹ năng không thuộc về nhận thức không được xem là thước đo để đo thành tích hay để kiểm tra chỉ số IQ nhưng được cho là thuộc về đặc điểm và tính cách của con người. Phân biệt những kỹ năng không thuộc về nhận thức được đưa ra bởi năm yếu tố tạo nên nhân cách con người gồm: tính dễ chịu, sự tận tâm, cảm xúc ổn định, hướng ngoại và tự chủ. Một nghiên cứu của nhóm tác giả Heckman và Kautz (2013) đề xuất rằng, cùng với kỹ năng nhận thức, “sự tận tâm”, “cảm xúc ổn định” thuộc về đặc tính của tự trần thuật sẽ góp phần quan trọng cho sự thành công trong giáo dục và thị trường lao động. Một vài nghiên cứu khác sử dụng định lượng một cách khách quan hơn về kỹ năng không thuộc về nhận thức và cũng đi đến kết luận tương tự. Các kỹ năng như năng lực trong ngoại giao, đối mặt với căng thẳng, luôn thể hiện là người đúng giờ, hay kỹ năng giải



quyết tình hướng trước những chỉ trích và thất bại đều được đánh giá cao trong thị trường lao động. Các mức độ cơ bản của kỹ năng không thuộc về nhận thức là đặc biệt cần thiết giúp cho việc tham gia vào thị trường lao động và không phải hưởng trợ cấp xã hội, trong đó việc nâng cao nhận thức sẽ ảnh hưởng chủ yếu đến thu nhập và việc phổ cập giáo dục.

Heckman và Kautz (2013) và một vài học giả khác tranh luận gay gắt về kỹ năng không thuộc về nhận thức thường dễ uốn nắn hơn khi ở độ tuổi đến trường. Tuy nhiên, một nghiên cứu định lượng chỉ ra những hệ thống giáo dục như thế nào thì sẽ cải biến được những đặc tính thuộc về tính cách con người như sự tận tâm và cảm xúc ổn định thì vẫn còn rất hạn chế. Nếu trường học muốn kích thích phát triển kỹ năng trên có lẽ phải thực thi những chính sách nào đó để áp dụng vào môn học dạy ở trong trường. Ở các nước Tây Âu xem ra có vẻ như họ đặt quan tâm về đạt chất lượng trong việc đào tạo những kỹ năng cao hơn một số nước khác, họ sử dụng các hoạt động khác nhau nhưng hoạt động đó lại không dính líu đến môn học cụ thể nào. Đặc tính toàn diện vốn có của trường học có lẽ phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy kỹ năng không thuộc về nhận thức.

### **Kết luận**

Nâng cao chất lượng trong hệ thống giáo dục là vấn đề vô cùng quan trọng để thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế lâu dài và an ninh xã hội. Nghiên cứu đã chỉ ra sự công bằng và chất lượng cao ở bậc giáo dục tiểu học là đặc biệt quan trọng. Tăng cường chất lượng giáo dục tiểu học sẽ giúp tăng cường năng suất lao động cho tất cả lực lượng trong tương lai. Có thể nói đây là những yếu tố hết sức quan trọng cho nghiên cứu về an ninh con người.

Nếu so sánh với một số quốc gia khác thì các nước Bắc Âu có điều kiện sống cao hơn. Tuy nhiên, điều kiện sống tốt ở các nước này có thể không phải tồn tại mãi mãi. Những quốc gia này không có những sinh viên đạt điểm cao trong kỳ thi kiểm tra quốc tế. Nếu coi giáo dục là quan trọng cho tăng trưởng và phát triển thì sẽ có những thách thức cần giải quyết đi theo quan điểm trên. Sẽ khó có thể giảm tỉ lệ thất nghiệp nếu người lao động không có kỹ năng cao nhưng lại đòi hỏi mức lương như hiện tại. Tuy nhiên, mọi người có thể hy vọng rằng các quốc gia này sẽ cung cấp đủ kỹ năng không thuộc về nhận thức như sự tận tâm hoặc đối mặt với thất bại cho người dân một cách tốt nhất. Tầm quan trọng của những kỹ năng trên có thể tăng lên qua thời gian khi quá trình phát triển từ loại hình sản xuất sang loại hình kinh doanh dịch vụ.

*Người dịch: Nguyễn Thu Thủy\*\*  
Hiệu đính: Nguyễn Ngọc Trung\*\*\**

---

\*\* ThS.; Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

\*\*\* TS.; Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

## Tài liệu tham khảo

1. Betts, J. R. (2011), "The economics of tracking in education", In: Hanushek, E. A., S. Machin and L. Woessmann (Eds.), *Handbook of the Economics of Education*, Vol. 3, Amsterdam: North Holland, Pp. 341 - 381.
2. Braga, M., D. Checchi and E. Meschi (2013), "Educational policies in a long-run perspective", *Economic Policy*, Vol. 28, Pp. 47 - 100.
3. Brugård, K. H., and T. Falch (2013), "Post-compulsory education and imprisonment", *Labour Economics*, Vol. 23, Pp. 97-106.
4. Cooper, B. (2011), "Economic recession and mental health: An overview", *Neuropsychiatrie*, Vol. 25, Pp. 113 - 117.
5. Cutler, D., W. Huang and A. Lleras-Muney (2014), "When does education matter? The protective effect of education for cohorts graduating in bad times", NBER Working Paper, No. 20156.
6. Dee, T. (2004), "Are there civic returns to education?", *Journal of Public Economics*, Vol. 88, Pp. 1697 - 1720.
7. Falch, T., O.H. Nyhus, and B. Strøm (2014), "Causal effects of mathematics", *Labour Economics*, forthcoming.
8. Glaeser, E., G. Ponzetto and A. Shleifer (2007), "Why does democracy need education?", *Journal of Economic Growth*, Vol. 12, Pp. 77 - 99.
9. Gundlach, E. and L. Wößmann (2004), "Family background, schooling resources, and institutional features: What determines student performance in East Asian countries", *East Asian Economic Perspectives*, Vol. 15, Pp. 17 - 31.
10. Hanushek, E. A. and L. Woessmann (2006), "Does educational tracking affect performance and inequality? Differences-in-differences evidence across countries", *Economic Journal*, Vol. 116, Pp. C63 - C76.
11. Heckman, J.J. and T. Kautz (2013), "Fostering and measuring skills: Interventions that improve character and cognition", NBER Working Paper, No. 19656.
12. Joensen, J.S. and Nielsen, H.S (2009), "Is There a Causal Effect of High School Math on Labor Market Outcomes", *Journal of Human Resources*, Vol. 44, Pp. 171- 98.
13. Machin, S., O. Marie and S. Vujić (2011), "The crime reducing effect of education", *The Economic Journal*, Vol. 121, Pp. 463 - 484.
14. Meghir, C. and M. Palme (2005), "Educational reform, ability, and family background", *American Economic Review*, Vol. 95, Pp. 414 - 424.
15. Montenegro, C. E. and H. A. Patrinos (2014), "Comparable estimates of returns to schooling around the world", Policy Research Working Paper 7020, World Bank.
16. OECD (2014), *Education at a Glance*, OECD, Paris.
17. Stuckler, D., S. Basu, M. Suhrcke, A. Coutts and M. McKee (2011), "Effects of the 2008 recession on health: A first look at European data", *The Lancet*, Vol. 378, Pp. 124 - 125.